

## **ÔN TẬP NGỮ PHÁP TIẾNG ANH CƠ BẢN** **LÝ THUYẾT + BÀI TẬP DẠNG ĐẢO NGỮ**

**Tại sao lại gọi là ĐẢO NGỮ?**

Bình thường câu khẳng định và phủ định sẽ có dạng:

**S (+ Trợ động từ) + ADV + V**

(Trạng từ có thể đứng cuối câu)

Vd: **I will never** forget them.

ĐẢO NGỮ là dạng mà **TRỢ ĐỘNG TỪ** và **TRẠNG TỪ** bị **ĐẢO LÊN ĐẦU CÂU TRƯỚC CHỦ NGỮ**.

Ví dụ: - **NEVER WILL I** forget them.

\* Lưu ý: **Câu Hỏi** cũng là 1 dạng Đảo Ngữ. (Are you tired? Where did she go?)

### **DẠNG 1: ĐẢO NGỮ VỚI CÁC TRẠNG TỪ PHỦ ĐỊNH**

Các Trạng từ phủ định hay dùng cho dạng này:

- **never**: không bao giờ
- **hardly**: hầu như không
- **little**: ít khi, hiếm khi
- **rarely**: hiếm khi
- **seldom**: hiếm khi
- **scarcely**: hiếm khi
- **hardly ever**: hầu như không bao giờ

\* Công thức: **TRẠNG TỪ PHỦ ĐỊNH + TRỢ ĐỘNG TỪ + S + V.**

Vd: - **Seldom do they eat** meat (hiếm khi họ ăn thịt)

(\*) **CHÚ Ý**: với HIỆN TẠI ĐƠN và QUÁ KHỨ ĐƠN khi đã mượn trợ động từ (DO, DOES, DID), Động từ chính của câu luôn là NGUYÊN THỂ.

Vd: - **Little does she visit** there. (ít khi cô ấy thăm nơi này)

### **DẠNG 2: ĐẢO NGỮ VỚI CÁC CẤU TRÚC VỚI NO**

Bao gồm:

- **at no time**: không bao giờ
- **on no condition**: không đủ khả năng, dù thế nào
- **on no account**: không thể nào, không ..... trong bất kỳ hoàn cảnh nào
- **under/ in no circumstances**: không bao giờ
- **for no reason**: không có lý do gì
- **in no way**: không thể nào, không thể
- **no longer**: không ..... nữa
- **nowhere**: không ở nơi nào

(công thức giống **Dạng 1**) Vd:

- **For no reason will we surrender**

(chúng ta sẽ không đầu hàng vì bất kỳ lý do gì)

- **No longer does he work here**

### **DẠNG 3: ĐẢO NGỮ VỚI SUCH VÀ SO**

#### **A. SO**

\* **SO + ADJ + BE(chia) + S + THAT + S + V + O**

và

\* **SO + ADV + TRỢ ĐỘNG TỪ + S + V + THAT + S + V + O** (ít gặp)

Vd:

- **So angry was the man** that he beat all the woman. (người đàn ông quá tức giận đến nỗi hắn đánh mụ ta)

- **So stupid are you** that you will die (Mày quá ngu đến nỗi mày sẽ chết)

- **So quickly did she run** that they couldn't catch them.

#### **B. SUCH**

**SUCH + BE(chia) (+ A/AN) + N + THAT + S + V + O**

**Hoặc:**

**SUCH (+ A/AN) + N + BE + S + THAT + S + V + O**

Vd: - **Such is a beautiful girl** that all boys love her (1 cô gái quá đẹp đến nỗi bọn con trai đều thích)  
hoặc

- **Such a beautiful girl is she** that all boys love her.

**DẠNG 4: ĐẢO NGỮ VỚI: “HARDLY .....WHEN.....”**

\* **HARDLY + HAD + S + VP2 + WHEN + S + V-quá khứ đơn.**

(vừa mới ..... thì)

Vd

- **Hardly had she left** home **when** it rained

(cô ta vừa ra ngoài thì trời mưa)

- **Hardly had the chopper taken** off **when** it exploded (máy bay trực thăng vừa cất cánh thì nó bị nổ)

**DẠNG 5: ĐẢO NGỮ VỚI CÁC CẤU TRÚC CÓ ONLY**

\* **LOẠI1:**

- **only once:** chỉ 1 lần

- **only later:** chỉ sau đó

- **only in this/ that way:** chỉ bằng cách này/ cách đó

- **only after + /v-ing/ n:** chỉ sau khi

- **only by v-ing/ n:** chỉ bằng cách, bằng việc

- **only with + n:** chỉ với

- **only then:** chỉ sau đó

- **only + giới từ + thời gian:** chỉ vào lúc

.....

=> **CÁC CỤM NÀY + TRỢ ĐỘNG TỪ + S + V**

Vd:

- **Only by practising** frequently **can you** play football well

(chỉ bằng việc tập luyện thường xuyên chú mới có thể chơi bóng đá giỏi)

\* **LOẠI2:**

- **only when:** chỉ khi

- **only after:** chỉ sau khi

- **only if:** chỉ nếu mà

.....

=> **CÁC CỤM NÀY + S1 + V1+ O1 + TRỢ ĐỘNG TỪ + S2 + V2**

(CÁC CỤM NÀY + S1 + V1+ O1 + ĐẢO NGỮ)

Vd:

- **Only when** she left **did he** understand her love for him.

(chỉ khi cô ấy ra đi, anh ấy mới hiểu được tình yêu của cô ấy cho mình)

**DẠNG 6: Đảo ngữ với: NOT ONLY..... BUT.....ALSO.....**

(không những.....mà còn)

\* **NOT ONLY + TRỢ ĐỘNG TỪ + S + V1 + BUT + S + ALSO + V2**

(V1 sẽ nguyên thể nếu đó là Hiện tại đơn hoặc Quá khứ đơn – V2 sẽ vẫn giữ nguyên dạng theo THÌ)

Vd:

- **Not only did he steal** the car **but he also burnt** the house. (Nó không chỉ ăn cắp xe hơi mà còn đốt nhà)

\* **CHÚ Ý:** vị trí của vế BUT ALSO có thể khác một chút nhưng đây là dạng PHỔ BIẾN)

**DẠNG 7: ĐẢO NGỮ VỚI NOT UNTIL (TILL)**

((mãi) cho đến khi/ chỉ khi.....thì mới.....)

\* **NOT UNTIL + THỜI GIAN/ S1 + V1 + TRỢ ĐỘNG TỪ + S2 + V2.**

(NOT UNTIL + THỜI GIAN/ S + V + ĐẢO NGỮ)

Vd: - **Not until** I went to bed **did i** remember the task

((Mãi) Cho đến khi/ chỉ khi tao đi ngủ thì tao mới nhớ đến nhiệm vụ)

- **Not until 11 p.m will he come back.** (mãi đến lúc 11 giờ đêm nó mới về)

#### **DẠNG 8: ĐẢO NGỮ VỚI NO SOONER .....THAN.....**

(vừa mới.....thì.....)

Dạng này giống với dạng 4 “**hardly.....when.....**”: 1 vé QKHT và 1 vé QKĐ)

\* **NO SOONER + HAD + S + VP2 + THAN + S + V-quá khứ đơn.**

Vd: - **No sooner had he died than** his sons fought for his property. (Lão vừa mới chết thì những thằng con trai lão tranh giành tài sản)

#### **DẠNG 9: ĐẢO NGỮ VỚI CÁC TRẠNG TỪ CHỈ CHUYỂN ĐỘNG**

- **round and round:** vòng quanh

- **to and fro:** đi đi lại lại

- **up and down:** lên lên xuống xuống

- **away:** rời xa

- **off:** rời xa

..... (còn nhiều nữa)

=> **CÁC CỤM NÀY + ĐỘNG TỪ + S**

Vd: - **Round and round** flies the bird (con chim bay vòng quanh)

- **Away** ran the thief (tên trộm chuồn mất)

\* **CHÚ Ý:** nếu như CHỦ NGỮ là 7 ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG (I, WE, YOU, THEY, HE, SHE, IT)

- cấu trúc sẽ là:

=> **TRẠNG TỪ + S + V**

Vd: - **AWAY** HERAN (nó chạy trốn)

#### **DẠNG 10: ĐẢO NGỮ GIỚI TỪ CHỈ ĐỊA ĐIỂM**

- **here:** ở đây

- **there:** ở đó

- **Giới từ (in, on, at, from, to...) + địa điểm**

=> **CÁC CỤM NÀY + V + S.**

Vd: - **There** came the guests. (những người khách đã đến đó)

- **In the kitchen** was a ghost (1 con ma ở trong bếp)

\* **CHÚ Ý:** nếu như CHỦ NGỮ là 7 ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG (I, WE, YOU, THEY, HE, SHE, IT)

- cấu trúc sẽ là:

**GIỚI TỪ + ĐỊA ĐIỂM + S + V**

Vd: - **HERE** WE ARE (chúng tao ở đây)

#### **DẠNG 11: ĐẢO NGỮ VỚI CÂU ĐIỀU KIỆN**

**(1) Câu điều kiện LOẠI 1:**

\* **SHOULD + S + V-nguyên thể, S + WILL + V-nguyên thể**

Vd: - **Should she come** late, he will be a teacher. (Nếu cô ấy đến muộn, hắn sẽ đánh cô ấy)

(nếu phủ định thì cho NOT sau chủ ngữ)

**(2) Câu điều kiện LOẠI 2**

\* **WERE + S + TO + V-nguyên thể, S + WOULD + V-nguyên thể**

Vd: - **Were I to quit** the job, I wouldn't have enough money. (Nếu tôi bỏ việc, tôi sẽ không có đủ tiền)

(nếu phủ định thì cho NOT sau chủ ngữ)

- Nêu sau nó là Danh từ hoặc Tính từ thì có thể bỏ cụm TO V. Vd: **Were I you**, I would go home....

**(3) Câu điều kiện LOẠI 3**

\* **HAD + S + VP2, S + WOULD HAVE + VP2**

Vd: - **HAD WE KNOWN** your address, we would have visited you. (Nếu chúng tôi biết địa chỉ của ông, chúng tôi đã đến thăm ông rồi)

(nếu phủ định thì cho NOT sau chủ ngữ)

#### **ĐẢO NGỮ VỚI MỘT SỐ DẠNG KHÁC**

với Dạng 4: **HARDLY HAD + S + V-p2 + WHEN + S + V-quá khứ đơn.**



=>**HARDLY** có thể thay bằng dạng có **BARELY** hoặc **SCARCELY BARELY/ SCARCELY HAD + S + V-p2 + WHEN + S + V-quá khứ đơn.**

(vừa mới....thì.....)

Vd: - **barely/ scarcely had we set off when it snowed.** (Chúng ta vừa khởi hành thì trời đổ tuyết)

**Chuyển sang dạng Đảo Ngữ:**

1. He is so gentle that he never scolds anyone.

=>So \_\_\_\_\_

2. He hardly bought a new bike when he had an accident.

(1) => Hardly \_\_\_\_\_

(2) => No sooner \_\_\_\_\_

3. The thief ran away.

=>Away \_\_\_\_\_

4. I could drive a car only when I reached 30.

=> Only when \_\_\_\_\_

5. If he goes to school, he will have money.

=>Should \_\_\_\_\_

6. The man not only beat the child but also took all her money.

=> Not only \_\_\_\_\_

7. She will never accept his proposal.

=> At no time \_\_\_\_\_

8. Mr. Bean rarely showed his intelligence.

=>Rarely \_\_\_\_\_

9. I phone him as soon as I went home.

(1) => No sooner \_\_\_\_\_

(2) => Scarcely \_\_\_\_\_

10. If you had followed the advice, you would have succeeded.

=>Had \_\_\_\_\_

11. He dived into the sea.

=>Into \_\_\_\_\_

12. If he had money, he would travel.

=>Were \_\_\_\_\_

13. She is such a gentle girl that she speaks very softly.

=>Such \_\_\_\_\_

14. The girl lay on the bed.

=> On \_\_\_\_\_

15. It was not until she was 18 that she went abroad.

=> Not until \_\_\_\_\_

16. We can only improve our skills by training hard.

=> Only \_\_\_\_\_

17. They are here.

=> Here \_\_\_\_\_

18. He no longer drinks coffee.

=> No \_\_\_\_\_

19. He stood outside the door.

=> Outside \_\_\_\_\_

20. It was not until they were robbed of money that they became more careful.

=> Not until \_\_\_\_\_

## Bài 2. Dùng NEVER viết lại câu với hình thức đảo ngữ

1. She had never been so happy before.

=> Never before.....

2. I have never heard such nonsense!

=> Never.....

3. I have never seen such a mess in my life.

=> Never in my life.....

4. Our profits have never been higher than they are this year.

=> Never.....

5. The film had never before laid on such a sumptuous celebration.

=> Never.....

6. I've never come across such a horrifying film.

=> Never.....

7. I've never been so moved by a Shakespeare production.

=> Never.....

8. I have never seen anyone in my life drink as much as you.

=> Never.....

9. I'll never forget you.

=> Never .....

Bài 3. Dùng RARELY, SELDOM hoặc LITTLE viết lại câu với hình thức đảo ngữ

1. One rarely finds good service these days.

=> Rarely.....

2. She has rarely travelled more than fifty miles from her village.

=> Rarely.....

3. Public borrowing has seldom been so high.

=> Seldom.....

4. They had seldom participated in such a fascinating ceremony.

=> Seldom.....

5. They little suspected that the musical was going to be a runaway success.

=> Little.....

6. The embassy staff little realized that Ted was a secret agent

=> Little.....

7. He has seldom seen anything stranger

=> Seldom.....